

Số: 196/QĐ-BQLKKTQP

Phú Quốc, ngày 07 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc tại xã Dương Tô,
thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,8m².

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch

đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2982/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 2.518,9ha;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 1789/QĐ-UBND, ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 1081/UBND-KT ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận về địa điểm cho Công ty TNHH Bất động sản Khánh Hiệp Phú Quốc tại ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 219/QĐ-BQLKKTPO ngày 21/10/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-BQLKKTPT ngày 14/6/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,8m²;

Căn cứ số 65/QĐ-BQLKKTPO ngày 17/3/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,79m²;

Căn cứ Công văn số 913/BQLKKTPO-QLQH ngày 27/6/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc chủ trương Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,79m²;



Căn cứ Biên bản số 113/BB-BQLKKTPO ngày 25/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc họp Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,79m²;

Căn cứ Biên bản số 166/BB-UBND ngày 20/12/2022 của UBND xã Dương Tơ về việc tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư với Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc, quy mô 55.796,8m² tại ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 53/PCCC ngày 10/6/2021 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Kiên Giang về việc góp ý kiến về PCCC đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc, quy mô khoảng 55.796,8m²;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-BQLKKTPO ngày 26/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,79m²;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Bất động sản Khánh Hiệp Phú Quốc tại Tờ trình số 10/TTr-KHPQ ngày 02/6/2023 về việc thẩm định, phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,79m²; Báo cáo thẩm định, trình phê duyệt số 22/BC-QLQH ngày 28/7/2023 của phòng Quản lý Quy hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 55.796,79m², với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quy mô diện tích và ranh giới lập quy hoạch:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch khoảng 55.796,79m² tại xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp đất quy hoạch nhà ở thấp tầng;
- Phía Tây và Nam: giáp sông Dương Đông;
- Phía Bắc: giáp đất quy hoạch công viên cây xanh.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Khánh Hiệp Phú Quốc nhằm cụ thể hóa Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Đô thị Dương Đông đã



được phê duyệt.

- Xác định tính chất, chức năng và quy mô của từng ô đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Đưa ra các hình thức kiến trúc các công trình đặc trưng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu của đảo.

- Xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch-xây dựng làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chủ động trong kế hoạch sử dụng đất, phân kỳ đầu tư và khai thác.

- Đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với các khu vực xung quanh.

- Dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu và tránh tác động tiêu cực đến môi trường.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Khu quy hoạch được xác định là khu ở thấp tầng (*nhà đơn lập, song lập*), nhà ở xã hội, có cơ sở hạ tầng và tiện ích phục vụ cộng đồng dân cư trong khu vực, đảm bảo môi trường sinh thái, an ninh trật tự, chất lượng sống cao cấp.

4. Quy mô phục vụ:

Dự kiến sau khi hoàn thành, quy mô dân số của khu quy hoạch khoảng 707 người.

5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

- Mật độ xây dựng gộp tối đa là 29,40%.
- Tầng cao xây dựng tối đa là 03 tầng.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa là 0,95 lần.

5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

5.2.1. Cấp nước:

- Sinh hoạt : 150 lít/người/ngày;
- Công trình công cộng : 2,0 lít/m² sàn/ngày;
- Tưới cây, công viên : 3,0 lít/m²/ngày;
- Rửa đường : 0,5 lít/m²/ngày;
- Chữa cháy : 15,0 lít/s, số đám cháy xảy ra đồng thời là 02 trong thời gian 03 giờ.

5.2.2. Cấp điện:

- Sinh hoạt : 1.500 kWh/người/năm;
- Công trình công cộng : 20 - 30W/m² sàn/ngày.

5.2.3. Thoát nước thải : tối thiểu 80% tổng lưu lượng nước cấp cần xử lý.

5.2.4. Rác thải

- Sinh hoạt : 1,2kg/người/ngày.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch là 55.796,79m², được cơ cấu sử dụng như sau:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² / người)
1	Đất ở	26.607,63	47,69	37,66
1.1	Đất ở biệt thự	20.857,43	37,38	68,61
1.2	Đất nhà ở xã hội	5.750,20	10,31	14,29
2	Đất giáo dục	905,47	1,62	1,28
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	830,03	1,49	1,17
4	Đất cây xanh	10.284,98	18,43	14,56
5	Đất mặt nước	3.288,09	5,89	4,65
6	Đất giao thông, sân bãi	13.880,59	24,88	19,65
TỔNG		55.796,79	100,00	78,97

6. Bố cục phân khu chức năng và quy hoạch xây dựng công trình:

TT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	Số công trình /căn
1	Đất ở		26.607,63	45,21	3	1,54	76
1.1	Đất ở biệt thự song lập	A	20.857,43	48,02	3	1,49	75

		A1	5.152,86	50,81	3	1,57	20
		A2	4.419,71	51,05	3	1,58	17
		A3	1.551,82	40,55	3	1,29	5
		A4	5.128,73	46,64	3	1,44	18
		A5	4.604,31	46,04	3	1,42	16
1.2	Đất nhà ở xã hội	B	5.750,20	35,00	4	1,40	1
2	Đất giáo dục	GD	905,47	30,35	3	0,91	1
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	KT	830,03	13,55	1	0,13	2
4	Đất cây xanh	CX	10.284,98	-	-	-	-
5	Đất mặt nước	MN	3.288,09	-	-	-	-
6	Đất giao thông, sân bãi		13.880,59	-	-	-	-
TỔNG			55.796,79	29,40	4	0,95	80

7. Quy hoạch không gian ngầm:

ST T	Chức năng	Ký hiệu	Số tầng hầm	Diện tích sàn tầng hầm (m ²)	Chức năng sử dụng
1	Đất ở		1	2.012,57	
1.1	Đất ở biệt thự song lập		-	-	-
		A1	-	-	-
		A2	-	-	-
		A3	-	-	-
		A4	-	-	-
		A5	-	-	-
1.2	Đất nhà ở xã hội		1	2.012,57	Đề xe, hệ thống kỹ thuật, gian lánh nạn, PCCC
2	Đất giáo dục	GD			

3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	1	248,33	Khu xử lý nước thải, bể cấp nước
4	Đất cây xanh	CV-CX	-	-	-
5	Đất mặt nước	MN	-	-	-
6	Đất giao thông, sân bãi		-	-	-
TỔNG			1	2.260,90	

8. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

8.1. Cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch:

- Bộ cục quy hoạch, tổ chức không gian cảnh quan khu quy hoạch phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu Đô thị Dương Đông đã được phê duyệt.

- Bộ cục quy hoạch các khu chức năng hợp lý, các công trình công cộng, cây xanh công viên được bố trí đảm bảo bán kính phục vụ.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với điều kiện địa hình và cảnh quan chung.

- Gắn kết mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của khu vực nghiên cứu với mạng lưới chung của thành phố tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh.

8.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Các công trình phải đảm bảo được các tiêu chuẩn quy hoạch đã đề ra.

- Các công trình kiến trúc phải đảm bảo khoảng lùi, chỉ giới xây dựng, tầng cao, có mặt tiền thoáng đẹp, tạo cảnh quan chung cho toàn khu quy hoạch.

- Các công trình phải đảm bảo khoảng cách theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

- Các công trình công cộng phải đạt tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu an toàn sử dụng.

- Các công trình dịch vụ ngoài trời phải đảm bảo thẩm mỹ, tiếng ồn, vệ sinh đối với các công trình bên cạnh.

- Các kiến trúc nhỏ (*các khối điêu khắc, đèn trang trí, bồn cây, bậc ngói, thùng rác, biển hướng dẫn, quảng cáo,...*) tại các trục đường đi bộ, vườn hoa tiểu cảnh... yêu cầu mỹ thuật biểu trưng cho khu du lịch.

- Cây xanh cảnh quan dọc trục chính sử dụng các loại cây thân cao, ít lá không che chắn tầm nhìn, không gian cảnh quan chung.

- Cây, thảm cỏ trồng trong khuôn viên các công trình phải có hình thức trang trí đẹp, trồng tự nhiên hoặc trong bồn, các thảm cỏ lớn, các bể phun, các sân có mặt lát đẹp.

- Màu sắc của các công trình cần ưu tiên các loại màu sáng nhưng không gây chói, phản quang và hạn chế các mảng màu tối. Khuyến khích các giải pháp chiếu sáng vào ban đêm để tạo được đặc thù của khu quy hoạch.

- Các vườn dạo, cây xanh cảnh quan cần kết hợp nghiên cứu giữa các yếu tố cây xanh - mặt nước và chiếu sáng vào ban đêm để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho khu quy hoạch.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Đường D1, N2 (*ký hiệu mặt cắt 1-1*): Lộ giới rộng 13m, bao gồm mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Khoảng lùi xây dựng công trình là 3m.

- Đường D2, N1, N3, N4 (*ký hiệu mặt cắt 2-2*): Lộ giới rộng 13m, bao gồm mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Khoảng lùi xây dựng công trình là 3m đối với công trình biệt thự; 6m đối với công trình nhà ở xã hội, trường mầm non.

9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

9.2.1. Quy hoạch san nền:

- Giải pháp san nền: Việc san nền dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, tuân thủ cao độ nền khống chế theo Quy hoạch phân khu; đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của các trục đường giao thông trong khu quy hoạch, đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng.

- Khối lượng đào - đắp được thể hiện trên bản vẽ quy hoạch san nền.

9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nội bộ nằm dọc theo trục giao thông và đầu nối thoát nước vào các tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hệ thống cấp nước cho dự án được đầu nối với hệ thống cấp nước chung của đảo nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và lâu dài.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 242,77m³/ngày (*chưa bao gồm lượng nước cấp cho chữa cháy*).

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp nước.

9.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp điện chung của đảo Phú Quốc, được đấu nối trên tuyến trung thế chung của khu vực.
- Toàn bộ hệ thống cấp điện được thiết kế và xây dựng ngầm.
- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng: 794kVA/ngày.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.

9.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

9.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải phải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến cống thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu vực xử lý. Xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch nhằm đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường hoặc tận dụng, phục vụ công tác tưới cây, rửa đường.

- Tổng lượng nước thải cần xử lý khoảng: 104,63m³/ngày. Chọn công suất trạm xử lý nước thải là 140m³/ ngày.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

9.5.2. Vệ sinh môi trường:

Tổng khối lượng rác thải khoảng 0,85 tấn/ngày. Rác thải được phân loại tại nguồn và thu gom hàng ngày, tập kết tại trạm thu gom rác tập trung của khu du lịch và được vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của đảo để xử lý.

Điều 2. Công ty TNHH Bất động sản Khánh Hiệp Phú Quốc có trách nhiệm liên hệ Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ hồ sơ theo các nội dung nêu trên; Tổ chức công bố, công khai Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện; tiến hành cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa

- Triển khai lập, phê duyệt hoặc trình phê duyệt: Dự án đầu tư xây dựng; Bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất; Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy, xin phép xây dựng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này.



Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Bất động sản Khánh Hiệp Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 104/QĐ-BQLKKPT ngày 14/6/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Công

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- LĐ. các Phòng chuyên môn BQL;
- Lưu: VT, Phòng QLQH, nvhung. *nguy*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Võ Công Sơn

QUỐC T. KIÊN